

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Số: 2453/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 11 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Dự án Trùng tu, tôn tạo Khu di tích lịch sử cách mạng
Yên Trường, xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ Kết luận số 38-KL/TU ngày 23/8/2016 và Kết luận số 43-KL/TU ngày 17/10/2016 của Thường trực Tỉnh ủy Thanh Hóa về việc Trùng tu tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng: Yên Trường (huyện Thọ Xuân), Nhà thờ họ Vương (huyện Thiệu Hóa), Hàm Hạ (huyện Đông Sơn); Công trình vườn hoa mẫu tượng nữ Anh hùng liệt sỹ Nguyễn Thị Lợi, thị xã Sầm Sơn;

Căn cứ Văn bản số 866/CV-HĐND ngày 19/12/2016 của HĐND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Trùng tu, tôn tạo Khu di tích lịch sử cách mạng Yên Trường, xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân;

Xét đề nghị của UBND huyện Thọ Xuân (Tờ trình số 38/TTr-UBND ngày 22/3/2017), đề nghị của Sở Xây dựng (Tờ trình số 3502/SXD-HĐXD ngày 03/7/2017),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án Trùng tu, tôn tạo Khu di tích lịch sử cách mạng Yên Trường, xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Trùng tu, tôn tạo Khu di tích lịch sử cách mạng Yên Trường, xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
2. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.
3. Chủ đầu tư: UBND huyện Thọ Xuân.
4. Mục tiêu đầu tư: Trùng tu, tôn tạo Khu di tích lịch sử cách mạng Yên Trường, xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân nhằm lưu giữ, bảo tồn và phát huy giá trị

khu di tích, đáp ứng nhu cầu tham quan, nghiên cứu, học tập của các tầng lớp nhân dân và giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ.

5. Địa điểm xây dựng: Xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

6. Nhà thầu khảo sát, lập dự án đầu tư: Viện Quy hoạch kiến trúc Thanh Hóa.

7. Quy mô và nội dung đầu tư:

7.1. Hạng mục Nhà di tích:

7.1.1. Nhà Di tích hiện trạng: Hạ giải lưu giữ ở nhà truyền thống

- Công trình cấp 4, gồm 4 gian. Cột, vì kèo, xà thượng, xà hạ làm bằng gỗ; xà gồ, rui, mè làm bằng luồng; Tường xây gạch bao che, trát vữa tam hợp; Mái lợp ngói mũi, dưới có ngói liệt, cốt ép. Bờ nóc xây gạch trát vữa. Nền nhà lát gạch đất nung 200x200mm (lát chữ công), chân cột có kê đá.

7.1.2. Nhà Di tích (Phục dựng):

Phục dựng lại ngôi nhà 05 gian bằng gỗ xoan; Mặt bằng nhà hình chữ nhật; Chiều dài 12,1m, chiều rộng 5,8 m; Diện tích xây dựng 74,3m²; Chiều cao 5,0m (tính từ cos sân đến đầu cái); Nền cao +0,45m so với cốt sân; Nền lát gạch bát 300x300x50mm; Mái lợp ngói mũi hài; Tam cấp đá granit; Cửa gỗ nguyên tấm (Bức bàn) dày 30mm; Kết cấu chính là kết cấu gỗ kết hợp tường bao che.

7.2. Hạng mục Nhà Bếp (Phục dựng):

Phục dựng nhà bếp gồm 02 gian, Diện tích nhà bếp: 29,0m². Mái lợp tranh hệ kèo, đòn tay, rui mè bằng tre ngâm. Hệ kết cấu đỡ mái gồm cột gỗ xoan, các vách thung xung quanh là vách đan tre trát bùn trộn rơm bằm trên trên hệ khung cột gỗ xoan kê trên chân đá tảng, xung quanh các bức vách có các lỗ cửa sổ, nền nhà bằng đất thịt đầm chặt bên trên rác tro bếp, xung quanh nền nhà dựng đá bo hè, đá bo hè là đá xanh đục thủ công.

7.3. Hạng mục Nhà truyền thống:

Nhà truyền thống được làm mới bằng gỗ lim, quy mô 05 gian. Mặt bằng nhà hình chữ nhật, kích thước 20,1x10,66m. Diện tích xây dựng 214,2m². Chiều cao 7,35m. Nền cao +0,45m so với cốt sân. Nền lát gạch bát 300x300x50mm; Mái lợp ngói mũi hài; Tam cấp đá granit; Cửa gỗ nguyên tấm (Bức bàn thượng song hạ bản) dày 30mm.

7.4. Hạng mục Nhà vệ sinh:

Diện tích xây dựng 36,0m². Móng đá học, kết cấu phân thân dầm sàn BTCT kết hợp tường nhà xây gạch, mái đổ BTCT trên xây tường thu hồi gác xà gồ lợp ngói. Nền nhà lát gạch chống trượt, tường bên trong ốp gạch men kính các phần còn lại sơn màu ghi sáng.

7.5. Hạng mục Hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ:

a) Thiết kế san nền: Cao độ san nền thấp nhất là 15,05; Cao độ san nền cao nhất là 15,78. Hướng san nền từ Tây sang Đông khu đất.

b) Cấp điện, chiếu sáng: Hệ thống cấp điện bao gồm cấp điện cho các hạng mục công trình và hệ thống chiếu sáng cảnh quan sân vườn, chiếu sáng cảnh quan là các đèn hắt chân các công trình nhà di tích, nhà bếp, nhà truyền thống và biểu tượng. Chiếu sáng công cộng là các đèn cầu gắn trên trụ gang. Nguồn điện cấp cho hệ thống điện chiếu sáng và điện hạ thế được lấy nguồn từ tủ điện hạ thế hiện có bằng cáp ngầm.

c) Cấp thoát nước : Hệ thống gồm cấp nước cho nhà vệ sinh và nước tưới cây, cứu hỏa. Nguồn nước được sử dụng từ giếng khoan và để sẵn đầu chờ khi có nước sạch cấp cho khu vực.

Thoát nước: Nước thoát theo độ dốc sân đường về các ga thu dẫn ra mương thu chung đổ vào mương thoát dọc theo đường giao thông, phần vườn cây thoát theo hình thức tự thấm.

c) Kè ao và lan can: Kè ao xây đá hộc miết mạch, phần lan can được ghép từ đá khối tự nhiên, lan can có chiều cao 0,8m. Tổng chiều dài lan can và kè ao 52,0m.

d) Cầu qua ao: Cầu dài 7,5m, rộng 2,2m, phần kết cấu đỡ cầu bằng hệ dầm BTCT uốn cong bên ngoài ốp đá tự nhiên. Lan can thành cầu làm bằng đá khối lắp ghép. Sàn cầu lát đá băm mặt.

e) Sân gạch phía trước nhà di tích và nhà bếp: sân lát gạch nung 300x300mm dày 30mm, quanh sân có đá bó hè bằng đá xanh kích thước 150x300x600mm. Diện tích sân 57,4m².

f) Lối ngõ vào di tích: có chiều rộng 1,6m, mặt ngõ xếp gạch chỉ hai bên có bó vỉa bằng đá đục như đá bó hè sân. Diện tích 27,0m².

g) Sân nghi lễ: diện tích 114,0m² toàn bộ mặt sân lát đá Granite tự nhiên màu hồng. Xung quanh có bó vỉa bằng đá đục.

h) Biểu tượng: biểu tượng được đặt trên khu đất có diện tích 10,3m², hình thức của biểu tượng được lựa chọn thông qua thi tuyển phương án kiến trúc.

i) Sân đậu xe: Sân có diện tích 204,4m². Mặt sân lát đá băm mặt trừ viên, kích thước viên 100x100mm dày 30mm.

k) Sân trước nhà truyền thống và đường dạo nội bộ: Toàn bộ phần này có diện tích 295,5m², được lát bằng gạch Giếng Đáy loại 400x400mm màu da cam.

l) Cổng: cổng chính có 02 trụ mỗi trụ có kích thước 0,8mx0,8m cao 1,67m được hàn từ thép hình, đỉnh trụ gắn đèn cầu bọc trong lồng thép. Cổng phụ có trụ cổng kích thước 0,45mx0,8m cao 1,41m. Cánh cổng làm bằng thép hình hàn theo hoa văn kiểu chữ Thọ.

m) Hàng rào: Hàng rào bao gồm hàng rào xây tường và hàng rào cây xanh kết hợp hoa sắt.

n) Cải tạo nâng cấp đường giao thông: Cải tạo, nâng cấp đoạn đường giao thông từ ngã tư giao với tỉnh lộ 506B đến hết tường rào phía trước trường THPT

Thọ Xuân 4 với chiều dài 387m. Mặt cắt đường 7,5m trong đó lòng đường 5,5m vỉa hè mỗi bên 1,0m, kết cấu đường gồm mặt đường láng nhựa 03 lớp dày 3,5cm, tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m², tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,4kg/m², Cấp phối đá dăm loại I dày 15cm, cấp phối đá dăm loại II dày 15cm, đất đắp K98 và đất đắp K95. Vỉa hè lát đá băm mặt trừ viên, bó vỉa đá. Phần đường qua di tích có bố trí hệ thống chiếu sáng công cộng.

8. Tổng mức đầu tư: 34.965.000 nghìn đồng (Ba mươi tư tỷ chín trăm sáu lăm triệu đồng).

Trong đó:

- Chi phí GPMB	:	4.946.937	nghìn đồng;
- Chi phí xây dựng	:	21.643.256	nghìn đồng;
- Chi phí thiết bị	:	1.610.000	nghìn đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	585.771	nghìn đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT	:	2.007.916	nghìn đồng;
- Chi phí khác	:	1.284.110	nghìn đồng;
- Chi phí dự phòng	:	2.887.009	nghìn đồng.

(Chi tiết tổng mức đầu tư có phụ lục kèm theo).

9. Nguồn vốn: Vốn ngân sách tỉnh.

10. Các bước thiết kế: Thiết kế 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế BVTC).

11. Thời gian thực hiện dự án: Không quá 03 năm (2017 - 2019).

12. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Giao UBND huyện Thọ Xuân (Chủ đầu tư), căn cứ các quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư, xây dựng và nội dung phê duyệt tại quyết định này để triển khai, thực hiện theo đúng quy định.

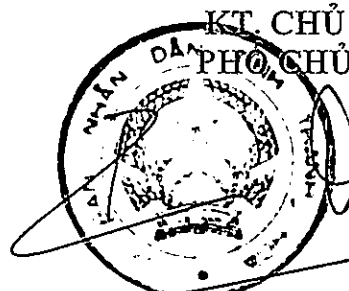
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

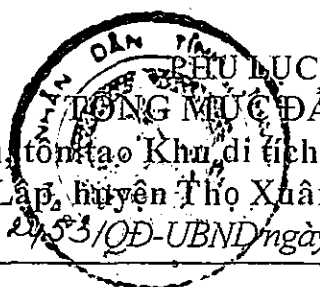
Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, VX (2).
- QĐ29/2017/N15b.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



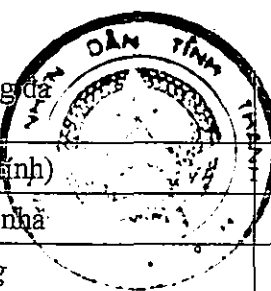
Phạm Đăng Quyền



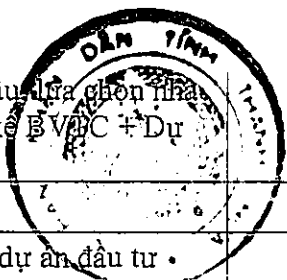
PHỤ LỤC
TỔNG MỤC ĐẦU TƯ
Dự án Trùng tu, tôn tạo Khu di tích lịch sử cách mạng Yên Trường,
xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
(Kèm theo Quyết định số: 21.53/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	CÁCH TÍNH	THÀNH TIỀN
I	CHI PHÍ XÂY LẬP		21.643.256
A	Công trình kiến trúc		14.735.250
1	Nhà truyền thống (bằng gỗ Lim)		8.378.415
1.1	Phần thân		8.078.415
1.2	Phần móng		300.000
2	Nhà di tích		1.470.838
2.1	Phần thân		1.370.838
2.2	Phần móng		100.000
3	Nhà bếp		174.000
4	Nhà vệ sinh		180.000
5	Bia tường niệm		4.500.000
6	Công trình phá dỡ		31.997
B	Hạ tầng kỹ thuật + cây xanh		4.829.115
1	San nền		
1.1	Khối lượng đào		25.000
1.2	Khối lượng đắp		170.000
2	Sân lát gạch bát 300x300 trước nhà bếp		14.350
3	Lối ngõ vào nhà di tích xếp bằng gạch chi		5.400
4	Sân nghi lễ lát đá Granit		96.900
5	Sân đường nội bộ lát gạch giếng đáy 400x400		88.650
6	Cầu đá qua ao dài 7,5m; rộng 2,2m		1.000.000
7	Lan can đá thành ao		442.000
8	Sân bãi đậu xe lát đá xẻ băm mặt 100x100x30		81.760
9	Đường viền chè Mạn rộng 0,5m cao 0,6m		56.750
10	Bó vỉa đá 0,25x0,1x0,6		68.100
11	Bó vỉa đá 0,25x0,15x0,6		26.653



12	Bồn cây bằng đá 0,15x0,25x0,75		53.200
13	Cây xanh (tạm tính)		650.000
14	Cấp điện ngoài nhà		
14.1	Điện chiếu sáng		705.600
14.2	Điện hạ thế		417.600
15	Thoát nước ngoài nhà		
15.1	Ga thu nước		13.000
15.2	Rãnh thoát nước B400		22.525
16	Bể nước ngầm + nhà bơm	(tạm tính)	200.000
17	Cấp nước ngoài nhà	(tạm tính)	50.000
18	Phòng cháy chữa cháy ngoài nhà	(tạm tính)	200.000
19	Hàng rào cây Dưới		34.268
20	Hàng rào thép hình cao 1,2m		152.300
21	Hàng rào xây gạch cao 2,16m		255.060
C	Đường giao thông phía trước nhà + thoát nước mưa		2.078.891
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ		1.610.000
1	Máy chiếu, âm ly, loa, mic, tivi		260.000
2	Chi phí nội thất mới(cho nhà truyền thống) : bàn ghế, tủ, giá, kệ		350.000
3	Chi phí nội thất		1.000.000
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN		585.771
1	QLDA	(Gxd+Gtb)tt x 2,771%	585.771
IV	CHI PHÍ ĐTXD		2.007.916
1	Chi phí khảo sát địa hình + địa chất		54.643
2	Lập dự án đầu tư	(Gxd+Gtb) x 0,908%	211.140
3	Chi phí thi tuyển thiết kế phương án Bìa tường niệm	tạm tính	100.000
4	Chi phí hộ nghị hội thảo, báo cáo	tạm tính	100.000
5	Thiết kế BVTC + DT	Gxd x 2,566%	555.366
6	Thẩm tra TKBVTC	Gxd x 0,225%	48.697
7	Thẩm tra dự toán	Gxd x 0,22%	47.615
8	Giám sát thi công XL	Gxd x 2,872%	621.594
9	Giám sát thi công TB	Gtb x 0,844%	182.669
10	Lập hồ sơ mời thầu và PTĐG HS dự thầu XL	Gxd x 0,35%	75.751
11	Lập hồ sơ mời thầu và PTĐG HS dự thầu TB	Gtb x 0,367%	5.909



12	Lập hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế BVC + Dự toán	$0,816\% \cdot G_{tv}$	4.532
V	CHI PHÍ KHÁC		1.284.110
1	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư	$TMĐT \times 0,016\%$	5.600
2	Chi phí kiểm toán	$TMĐT \times 0,8718\%$	305.130
3	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	$TMĐT \times 0,54\% \times 50\%$	94.500
4	Chi phí bảo hiểm công trình	$G_{xd} \times 0,3\%$	64.930
5	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu xây dựng	$G_{xd} \times 0,1\%$	21.643
6	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu lắp đặt thiết bị	$G_{xd} \times 0,1\%$	21.643
7	Chi phí hạng mục chung	$G_{xd} \times (1+2,5)\%$	757.514
8	Chi phí thẩm định PCCC	$G_{xdct} \times 0,009\%$	3.150
9	Phí nghiệm thu công trình		10.000
VI	CHI PHÍ ĐÈN BÙ GPMB		4.946.937
VII	DỰ PHÒNG PHÍ		2.887.009
1	Chi phí dự phòng do khối lượng phát sinh	$(G_{xd} + G_{tb} + G_{qlđ} + G_{tv} + G_k + G_{gpmb} + G_{dp}) \times 5\%$	1.603.900
2	Chi phí dự phòng do trượt giá	$(G_{xd} + G_{tb} + G_{qlđ} + G_{tv} + G_k + G_{gpmb} + G_{dp}) \times 4\%$	1.283.110
VIII	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		34.965.000